

Name: .....

Class: S6

Tel: 034.200.9294

Ngày GV giao bài: Thứ ....., ngày ...../.....

Ngày HS nộp bài: Thứ ....., ngày ...../.....



Vocabulary: .....

Listening: .....

Mini Test: .....

## GLOBAL ENGLISH 6

### UNIT 3: LIVING THINGS – VOCABULARY 2 & PET SPEAKING

❖ **Lưu ý 1:** Các từ vựng mở rộng thầy cô cho ghi trong vở (nếu có) và các từ vựng mở rộng trong phiếu đề có chú thích nghĩa: con về nhà chép mỗi từ **1 dòng** để ghi nhớ nhé.

❖ **Lưu ý 2:** Khi làm bài tập có từ mới, các con phải tra từ điển. Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới **1 dòng** để ghi nhớ.

#### A. VOCABULARY

##### - Plants and animals body parts (Bộ phận cơ thể thực vật và động vật)

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	<b>carnivorous plant</b>	cây “ăn thịt”, cây bắt mồi	7	<b>crush (v)</b>	nghiền nát
2	<b>leaf (n)</b>	lá cây	8	<b>juices (n)</b>	dịch nhầy (giúp tiêu hóa dễ hơn)
3	<b>hair (n)</b>	sợi lông	9	<b>dissolve (v)</b>	tan rã, phân hủy
4	<b>sticky (adj)</b>	dính, nhớt nháp	10	<b>digest (v)</b>	tiêu hóa
5	<b>liquid (n)</b>	chất lỏng	11	<b>feather (n)</b>	lông vũ
6	<b>trap (v)</b>	bắt (một sinh vật)			

##### - Marine wildlife (Thế giới biển hoang dã)

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	<b>breathe (v)</b>	thở	6	<b>fin (n)</b>	vây cá
2	<b>fur (n)</b>	bộ lông thú	7	<b>shell (n)</b>	vỏ, mai (của động vật)
3	<b>gill (n)</b>	mang cá	8	<b>pod (n)</b>	nhóm, tốp (cá voi, chó biển, ...)
4	<b>lung (n)</b>	phổi	9	<b>plankton (n)</b>	sinh vật phù du
5	<b>scale (n)</b>	lớp vảy	10	<b>hybrid (n)</b>	sinh vật được lai tạo

##### - Extra Vocabulary

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	<b>presenter (n)</b>	người dẫn chương trình	4	<b>charity (n)</b>	từ thiện
2	<b>ordinary (adj)</b>	bình thường	5	<b>pluck (v)</b>	nhổ
3	<b>politician (n)</b>	chính trị gia	6	<b>stroke (v)</b>	vuốt ve

❖ **Note :** n = noun: danh từ, v = verb: động từ, adj = adjective: tính từ,

❖ Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép vào vở mỗi từ 1 dòng vào vở ghi.

## B. HOMEWORK

### Exercise 1: Circle the correct answer

0. Two thousand grey \_\_\_\_\_ are born there every autumn.  
 (A) seals B. breed C. mate
1. You should allow a little time after a meal for the food to \_\_\_\_\_.  
 A. breathe B. digest C. trap
2. Fish take in oxygen through their \_\_\_\_\_.  
 A. gills B. skin C. fins
3. Use the back of a wooden spoon to \_\_\_\_\_ the garlic.  
 A. digest B. dissolve C. crush
4. I had to pluck the dead hen's \_\_\_\_\_.  
 A. leaves B. feathers C. juices
5. The \_\_\_\_\_ on the trees turn from green to orange when autumn comes.  
 A. leaves B. liquid C. hybrid

### Exercise 2: Put the letters in brackets into the correct order to complete the sentences

0. How often do lions breed (E R D E B)?
1. I opened the window and filled my \_\_\_\_\_ (U G L N) with cool fresh air.
2. \_\_\_\_\_ (S U I J E C) in our stomach helps our body to digest food.
3. The rug was covered with cat \_\_\_\_\_ (I R A H S).
4. The air was so cold that we could hardly \_\_\_\_\_ (A H T R E B E).
5. The bird has beautiful tail \_\_\_\_\_ (H F A E T E S R).

### Exercise 3: Match to make meaningful sentences

0. <del>The Venus Flytrap is</del>	a. <del>a carnivorous plant.</del>
1. Raccoons used to be	b. fur on the dog's back.
2. She poured the dark brown liquid	c. sticky to the touch.
3. Plankton live in the sea	d. trapped for their fur.
4. She stroked the soft	e. and are eaten by fish.
5. The white paint was still fresh and	f. down the sink.

0- a	1-	2-	3-	4-	5-
------	----	----	----	----	----

### Exercise 4: Fill in the blanks with the given words in the box. Capitalize the letters if needed. Change the form of the word if necessary

carnivorous	sticky	lung	shell	digest	dissolve
-------------	--------	------	-------	--------	----------

0. It was covered in a really sticky mess.
1. Your heart and \_\_\_\_\_ have to work harder if you're overweight.
2. All the original calcium has \_\_\_\_\_ away.

3. He has to avoid fat because his body can't \_\_\_\_\_ it.
4. \_\_\_\_\_ plants are capable of trapping and digesting small animals, especially insects.
5. The snail went back into its \_\_\_\_\_.

### Exercise 5: Put the verbs in bracket in correct form

0. If Claire wears (**wear**) this dress at the party, our guests won't stay (**not stay**) any longer.
1. Should I \_\_\_\_\_ (**not touch**) this snake, my girlfriend \_\_\_\_\_ (**not scream**).
2. Should we \_\_\_\_\_ (**travel**) to Hanoi, we \_\_\_\_\_ (**visit**) the museums.
3. If you \_\_\_\_\_ (**wear**) sandals in the mountains, you \_\_\_\_\_ (**slip**) on the rocks.
4. Should Linda \_\_\_\_\_ (**forget**) her homework, the teacher \_\_\_\_\_ (**not give**) her a high mark.
5. If they \_\_\_\_\_ (**go**) to a bar, they \_\_\_\_\_ (**listen**) to loud music.

### Exercise 6: Fill in the blanks with NEED, SHOULD or MUSTN'T

0. You should change your eating habits.
1. You \_\_\_\_\_ step on the grass or else you will be fined.
2. The baby \_\_\_\_\_ go to bed before 10 p.m.
3. You \_\_\_\_\_ drive if you are under 18 years old.
4. We \_\_\_\_\_ to prepare many things before the trip.
5. \_\_\_\_\_ he start talking, he will not stop until somebody tells him.





Con làm bài nghe theo link sau: <https://www.youtube.com/watch?v=ixlHXCgWi6M>

## PART 4 Questions 16-20

For each question, choose the correct answer.

- 16** You will hear two friends talking.  
Where are they?  
A on a train  
B on a plane  
C on a bus
- 17** You will hear a woman talking about her friend.  
What does her friend want?  
A her son to become a doctor  
B her son to stop playing football  
C her son to finish school
- 18** You will hear a police officer talking to a man.  
What's the problem?  
A The man should go slower.  
B The man had an accident.  
C The man is a new driver.
- 19** You will hear a woman talking to her son about school.  
What is she telling him?  
A He must try harder at school.  
B He may have to stop working.  
C He should talk to his teacher.
- 20** You will hear two colleagues talking at the office.  
Why is the man tired?  
A He had to work on his talk.  
B He had trouble getting home.  
C He was delayed at the office.

Con làm bài nghe theo link sau: <https://lead.me/bbBYM7>

### PART 3 Questions 14-19

For each question, write the correct answer in the gap. Write **one** or **two** words or a **number** or a **date** or a **time**.

You will hear a man called Jack Pindar talking to a group of students about his job as a radio presenter.

#### Radio Presenter

At university Jack studied (14) \_\_\_\_\_.

Before the show Jack drinks (15) \_\_\_\_\_.

Jack's favourite part of the job is (16) \_\_\_\_\_.

Jack was embarrassed when he couldn't remember a (17) \_\_\_\_\_.

If Jack wasn't a radio presenter he would be a (18) \_\_\_\_\_.

Jack will be doing a charity show at (19) \_\_\_\_\_ at the weekend.

